

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành  
Dự án: Đập dâng Cây Kê, xã Mỹ Quang, huyện Phù Mỹ

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;*

*Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;*

*Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 588/TTr-STC ngày 24/11/2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành với nội dung như sau:**

- Tên dự án: Đập dâng Cây Kê, xã Mỹ Quang, huyện Phù Mỹ.
- Chủ đầu tư: UBND huyện Phù Mỹ.
- Cơ quan phê duyệt Dự án: UBND tỉnh Bình Định.
- Địa điểm xây dựng: Xã Mỹ Quang, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.
- Thời gian khởi công - hoàn thành (thực tế): 20/10/2020-15/7/2022.

**Điều 2. Kết quả đầu tư**

**1. Chi phí đầu tư:**

*Đơn vị tính: đồng*

TT	Nội dung	Dự toán được duyệt lần cuối	Giá trị quyết toán
	<b>Tổng cộng</b>	<b>25.250.577.000</b>	<b>24.452.886.000</b>
<b>I</b>	<b>Chi phí BT, hỗ trợ TĐC</b>	<b>180.000.000</b>	
<b>II</b>	<b>Chi phí xây dựng và thiết bị</b>	<b>22.339.149.000</b>	<b>22.280.185.000</b>
	- Chi phí xây lắp	21.445.984.000	21.387.020.000
	- Chi phí thiết bị	893.165.000	893.165.000
<b>III</b>	<b>Chi phí quản lý dự án</b>	<b>515.377.000</b>	<b>412.302.000</b>
<b>IV</b>	<b>Chi phí tư vấn đầu tư</b>	<b>1.486.177.000</b>	<b>1.428.838.000</b>

<b>A</b>	Giai đoạn lập DADT		
1	Chi phí khảo sát địa hình, địa chất	252.232.000	252.232.000
2	Chi phí lập DADT	177.779.000	177.779.000
<b>B</b>	Giai đoạn thực hiện đầu tư		
1	Chi phí lập TKBVTC - dự toán	476.227.000	448.527.000
2	Chi phí giám sát thi công XD	470.535.000	470.534.000
3	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị	5.313.000	5.313.000
4	Chi phí lập HSMT và đánh giá HSĐT XD	59.091.000	52.555.000
5	Chi phí lập đề án, cam kết bảo vệ môi trường	45.000.000	21.898.000
<b>V</b>	<b>Chi phí khác</b>	<b>640.852.000</b>	<b>331.561.000</b>
1	Chi phí thẩm định dự án ĐTXD	4.301.000	4.301.000
2	Chi phí thẩm định TKBVTC-Dự toán	44.855.000	22.470.000
3	Chi phí thẩm định HSMT, HSYC & Kết quả lựa chọn nhà thầu	28.956.000	0
4	Chi phí thẩm định giá thiết bị	2.231.000	0
5	Chi phí bảo hiểm công trình	218.716.000	218.716.000
6	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu	30.708.000	0
7	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	76.162.000	86.074.000
8	Chi phí kiểm toán	234.923.000	0
<b>VI</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>89.022.000</b>	<b>0</b>
1	Chi phí dự phòng do phát sinh khối lượng	89.022.000	0

## 2. Vốn đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Dự toán được phê duyệt	Thực hiện			
		Giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân so với giá trị QT được phê duyệt	Số vốn phải thu hồi so với giá trị QT được phê duyệt
2	3	4	5	6=4-5	7=5-4
<b>Tổng số</b>	<b>25.250.577.000</b>	<b>24.452.886.000</b>	<b>24.201.259.000</b>	<b>251.627.000</b>	
Vốn đầu tư công: (Vốn NSNN)					
- Ngân sách tỉnh:			10.214.459.000		
+ Đầu tư tập trung:			1.300.000.000		
+ Cấp quyền SDD:			8.914.459.000		
- Ngân sách huyện:			13.986.800.000		

+ Nguồn chuyển nguồn			3.486.800.000		
+ Thu tiền SD đất:			7.500.000.000		
+ Nguồn thu vượt ngân sách:			3.000.000.000		

### 3. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
<b>Tổng số</b>			<b>24.452.886.000</b>	<b>24.452.886.000</b>
Tài sản dài hạn (tài sản cố định)			24.452.886.000	24.452.886.000

### 4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản:

- 4.1. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: không.  
4.2. Chi phí không tạo nên tài sản: không.

### 5. Vật tư, thiết bị tồn đọng: Không

### Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan:

#### 1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

- 1.1. Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

Đơn vị tính: đồng

Nguồn	Số tiền	Ghi chú
<b>Tổng số</b>	<b>24.452.886.000</b>	
Vốn đầu tư công: (Vốn NSNN)		
1. Đã bố trí :	24.201.259.000	
- Ngân sách tỉnh:	10.214.459.000	
+ Đầu tư tập trung:	1.300.000.000	
+ Cấp quyền SDD:	8.914.459.000	
- Ngân sách huyện:	13.986.800.000	
+ Nguồn chuyển nguồn :	3.486.800.000	
+ Thu tiền SDD:	7.500.000.000	
+ Nguồn thu vượt ngân sách:	3.000.000.000	
2. Chưa bố trí:	251.627.000	

1.2. Tổng các khoản công nợ tính đến ngày lập báo cáo quyết toán (ngày 04/10/2022) là:

- a) Tổng nợ phải trả: 251.627.000 đồng, trong đó:
- Chi phí quản lý dự án 137.834.000 đồng
  - Chi phí tư vấn đầu tư 27.719.000 đồng
  - + Chi phí lập TKBVTC - dự toán 27.719.000 đồng
  - Chi phí khác 86.074.000 đồng
  - + Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán 86.074.000 đồng

b) Tổng nợ phải thu: không.

**2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản:** Được phép ghi tăng tài sản:

*Đơn vị tính: đồng*

<b>Tên đơn vị tiếp nhận tài sản</b>	<b>Tài sản dài hạn/cố định</b>
Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Phù Mỹ	24.452.886.000

**3. Trách nhiệm của các đơn vị, cơ quan có liên quan:** Chịu trách nhiệm về những nội dung, công việc của từng đơn vị, cơ quan đã thực hiện xây dựng công trình theo quy định của pháp luật.

**Điều 4.** Chủ đầu tư, đơn vị tiếp nhận tài sản có trách nhiệm quản lý, sử dụng công trình và thực hiện việc bàn giao công trình theo quy định hiện hành. Căn cứ số liệu quyết toán được duyệt, các cơ quan liên quan tiến hành cấp phát, thanh toán, hạch toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản theo đúng quy định.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và PTNT; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Phù Mỹ và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 5;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVP NN;
- Lưu: VT, K10, K17

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tuấn Thanh**